

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày: 03/03/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quý

Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 06/01/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 17/02/2021, đối với bị cáo:

Trần Tuấn A; sinh năm: 1998; tại: Thành phố H; hộ khẩu thường trú: Thôn a, xã b, huyện c, Thành phố H; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N; và bà: Nguyễn Thị Th; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội xử phạt 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/10/2017; bị bắt, tạm giam ngày: 03/11/2020. (Có mặt)

- Bị hại: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 2001, địa chỉ: đường n, phường m, thành phố D, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Ngày 25/10/2020, Trần Tuấn A quen biết với chị Lê Thị Hồng H qua

mạng xã hội Zalo và cả hai có nhắn tin qua lại. Sau đó, A hẹn chị H đi xem phim và uống cà phê, chị H đồng ý. Khoảng 13 giờ 00 ngày 01/11/2020, chị H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số: 83E1-176.69 bên trong cốp xe có 01 ví đựng 200.000 đồng và giấy tờ của xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 83E1-176.69 chở A đến Vincom Thủ Đức để xem phim. Sau khi xem phim xong, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị H đưa chìa khóa xe mô tô cho A lấy xe mô tô điều khiển chở chị H đến quán “Phúc Long” địa chỉ số 1012 đường Kha Vạn Cân, khu phố 2, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức uống cà phê. Khi vào trong quán A vẫn giữ chìa khóa xe mô tô và thẻ xe của chị H, ngồi uống cà phê được khoảng 15 phút, A nói với chị H ngồi đợi để A đi ra ngoài mua thuốc lá hút, chị H đồng ý. A ra lấy xe mô tô của chị H đi mua thuốc lá thì có người của Ngân hàng FE Credit gọi điện thoại cho A đòi nợ vì trước đó A có vay tiền của Ngân hàng FE Credit. Lúc này, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị H bán lấy tiền để trả nợ. A điều khiển xe mô tô biển số: 83E1-176.69 về hướng thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Khi đến ngã tư Đông Nhì thuộc phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An thì A dừng xe lại rồi lấy điện thoại ra chụp hình xe vừa chiếm đoạt được của chị H, rồi đăng hình lên trang mạng bán xe cũ rao bán thì có Nguyễn Văn H dùng Facebook “H N” kết bạn với Facebook anh A để thỏa thuận mua xe mô tô biển số: 83E1 – 167.69 với A. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, A hẹn anh H đến ngã tư Đông Nhì thuộc phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An để bán xe. A giao xe, giấy đăng ký xe và viết giấy mua bán xe cho anh H với giá 11.500.000 đồng. Khi bán xe xong A đi xe ôm về Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng ngủ (không rõ địa chỉ cụ thể). Đến ngày 02/11/2020, chị H dùng tài khoản Zalo “Na Trần” kết bạn với Zalo “A” nhắn tin qua lại và hẹn A ra quán cà phê “Halen” thuộc Phường 12, Quận 10 uống cà phê và báo Công an Phường 12, Quận 10 biết. Khi A đến quán thì bị Công an Phường 12 mời về phường làm việc và giao A cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức Trần Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, A đã tiêu xài số tiền bán xe mô tô hết 6.500.000 đồng và 200.000 đồng trong cốp xe mô tô của chị H, còn 5.000.000 đồng giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Anh Nguyễn Văn H khai khi mua xe mô tô, A nói là xe của A mua lại của người khác, anh H không biết đó là tài sản do A phạm tội mà có.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 2177/CV-HĐĐGTSTTTHS ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 83E1-176.69, trị giá 21.667.000 đồng (bút lục 09).

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 83E1-176.69.
- Số tiền 5.000.000 đồng (số tiền còn lại sau khi A bán xe mô tô của chị H)

Trách nhiệm dân sự: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 83E1-176.69 đã trả cho chị H, chị H yêu cầu xử lý A theo quy định của pháp luật (bút lục 84). Anh Nguyễn Văn H yêu cầu A bồi thường 11.500.000 đồng (bút lục 90), bị cáo chưa bồi thường

[2] Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Trần Tuấn A, về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Trần Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, phần dân sự giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Tuấn A không tranh luận, bào chữa. Bị cáo Trần Tuấn A nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Tuấn A phù hợp với lời khai của bị hại, bản trình báo nguồn tin vụ việc về an ninh trật tự, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi sau khi nhận được tài sản của bị hại giao, đã nảy sinh ý định và thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Tài sản chiếm đoạt của bị hại chị Lê Thị Hồng H là 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 83E1-176.69, trị giá 21.667.000 đồng và số tiền 200.000 đồng trong cốp xe. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Trần Tuấn A đã phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại chị Lê Thị Hồng H đã nhận được chiếc xe bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường 11.500.000 đồng. Xét thấy anh H mua xe không biết do bị cáo phạm tội mà có, hai bên có làm giấy mua bán xe, có giấy tờ xe. Anh H đã giao trả xe, vì vậy, cần buộc bị cáo bồi thường cho anh H, do thu hồi được số tiền 5.000.000 đồng nên cần trả số tiền này cho anh H và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 6.500.000 đồng.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho anh Nguyễn Văn H: 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

(Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngày 17/12/2020 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Thủ Đức)

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Tuấn A bồi thường cho anh Nguyễn Văn H 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Tuấn A chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 (Ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKSND, CA, Chi cục THA thành phố Thủ Đức;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn